TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **179**/2024/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kịch.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 243/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C: Ông C1, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thuộc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Ấp A1, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng C, ông C1 vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà U. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông M. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3.2. Ông N. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng C do ông C1 là người đại diện hợp pháp trình*

bày: Thực hiện các chương trình tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, Ngân hàng C huyện Kế Sách đã xem xét và thỏa thuận cho vay với lãi suất ưu đãi… để giải quyết khó khăn và phát triển kinh tế hộ gia đình ở địa phương. Vào ngày 21/4/2019, Ngân hàng phê duyệt cho hộ bà U vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 21/4/2024 của Chương trình cho vay hộ nghèo, mục đích sử dụng chăn nuôi heo. Tổng cộng, hộ bà U đã vay vốn với tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ bà U đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (kể cả vốn gốc và tiền lãi) theo thỏa thuận. Tính đến nay hộ bà U đã trả nợ gốc là 0 đồng, trả lãi là 3.071.686 đồng, tổng cộng số tiền còn nợ là 36.840.000 đồng, trong đó vốn gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 16/5/2024 là 6.840.000 đồng. Mặc dù phía Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương, Hội đoàn thể vận động gia đình thực hiện nghĩa vụ để thu hồi nợ cho Nhà nước nhưng không có kết quả.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U, ông M và ông N cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 36.840.000 đồng (trong đó vốn gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 6.840.000 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng.

Theo bảng kê nợ gốc lãi gửi cho Tòa án trước thời điểm mở phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U, ông M và ông N cùng có trách nhiệm hoàn trả số tiền là 37.480.000 đồng (trong đó vốn gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 7.480.000 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng.

Ông C1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà U trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C thì bà U có ý kiến là bà U cùng chồng là ông M và con là ông N có vay tiền đúng như Ngân hàng đã trình bày. Nay bà U đồng ý cùng với ông M và ông N trả nợ cho Ngân hàng, nhưng do hiện tại hoàn cảnh gia đình bà U gặp nhiều khó khăn nên xin được trả nợ dần. Trường hợp Tòa án không xem xét được việc cho gia đình bà U trả nợ dần thì đến giai đoạn thi hành án gia đình bà U sẽ tự thỏa thuận với Ngân hàng.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M và ông N:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M và ông N nhưng ông M và ông N không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị xét xử vắng mặt thì ông C1 vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U, ông M và ông N trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng vay tài sản mà hai bên đã ký kết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà U là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện Kế Sách; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C1 là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt, bà U, ông M và ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà U, ông M và ông N trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng vay tài sản mà hai bên đã ký kết, thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm 01 sổ vay vốn; 01 giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay được phê duyệt ngày 21/4/2019; 01 sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ giải ngân ngày 21/4/2019; 01 giấy ủy quyền ngày 05/4/2019 thể hiện: Người vay là bà U có thỏa thuận vay tiền của Ngân hàng, được Ngân hàng phê duyệt cho vay số tiền vốn là 30.000.000 đồng vào ngày 21/4/2019, đã giải ngân vào ngày 21/4/2019, thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ là 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/4/2024, theo chương trình cho vay Hộ nghèo, để thực hiện phương án Chăn nuôi heo, lãi suất vay trong hạn là 6,6%/năm, lãi suất vay quá hạn là 130% lãi suất cho vay trong hạn...; Hợp đồng vay tài sản này được các bên ký kết theo quy định của pháp luật; Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà U nhận đối với số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2024 thì bà U còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 37.480.000 đồng (trong đó vốn gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 7.480.000 đồng). Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà U với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bà U vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp

đồng vay tài sản nên Ngân hàng yêu cầu buộc bà U trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ và số tiền lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà U có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay 37.480.000 đồng nêu trên, là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Việc bà U vay tiền của Ngân hàng phát sinh trong thời kỳ bà U và ông M là vợ chồng; tại thời điểm đó bà U, ông M và ông N là các thành viên cùng chung hộ gia đình, ông M và ông N biết rõ việc bà U vay tiền của Ngân hàng và cũng có văn bản ủy quyền cho bà U thực hiện việc vay tiền, tiền vay được sử dụng vào mục đích chăn nuôi heo nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu và vì lợi ích chung của hộ gia đình. Từ đó, có đủ cơ sở xác định nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng vay tài sản là nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung) của bà U, ông M và ông N vừa với tư cách là vợ chồng (bà U và ông M) và vừa với tư cách là các thành viên của hộ gia đình (bà U, ông M và ông N) theo quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 101, 103 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông M và ông N phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà U trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay 37.480.000 đồng nêu trên.

[6] Kể từ ngày 21/8/2024 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bà U, ông M và ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản. Trường hợp trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà U, ông M và ông N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019).

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà U, ông M và ông N phải cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ vay là 37.480.000 đồng.

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm; bà U, ông M và ông N phải cùng chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 37.480.000 đồng x 5% = 1.874.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 101, 103, 116, 117, 118, 119, 398, 401, 429, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc yêu cầu bà U, ông M và ông N trả số tiền nợ vay.

Buộc bà U, ông M và ông N phải cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ là 37.480.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), gồm nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi là 7.480.000 đồng.

Kể từ ngày 21/8/2024 cho đến khi thi hành án xong, bà U, ông M và ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản. Trường hợp trong hợp đồng vay tài sản, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng C thì lãi suất mà bà U, ông M và ông N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng C.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ngân hàng C không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Bà U, ông M và ông N phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.874.000 đồng (*Một triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (04);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt